

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Tuấn Dũng.
2. Ông Đồng Quang Sơn.
3. Bà Đỗ Phương Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2022/TLST-HS ngày 24/6/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 01/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Đông, phường DB, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Trần Thị V; gia đình có 04 chị, em, bị cáo là con thứ 2; có chồng là Lại Khắc N1, sinh năm 1957, có 03 con chung, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Nguyễn Thị D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường DB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N và bà Bùi Thị D1; gia đình có 04 chị, em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Hoàng Quốc T, sinh năm 1969, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định:* Ông Nguyễn Bùi H, Luật sư Văn phòng luật sư Sao Mai, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định:* Ông Bùi Văn L, Luật sư Văn phòng luật sư Thái Dương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1991; trú tại: xóm TY, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người chứng kiến:* 1. Anh Thi Văn D2, sinh năm 1972; trú tại: xóm XT, xã YL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1972; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:* Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (là con dâu của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 12/04/2022, tổ công tác Phòng 7 - Cục điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực thuộc xóm XT, xã YL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên phát hiện xe ô tô BKS 20A-211.94 đang đi hướng Thái Nguyên - Bắc Kạn, trên xe ô tô có 01 nam, 01 nữ, tổ công tác tiến hành kiểm tra người phụ nữ khai tên Nguyễn Thị D sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố Thái Nguyên, thu giữ tại sàn xe ô tô chỗ D ngồi có 01 hộp giấy bên trong chứa 02 túi nilon đều chứa các cục chất bột màu trắng, nghi là ma túy Heroine, niêm phong ký hiệu A.

Thu giữ 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu xám niêm phong ký hiệu C; 01 thẻ căn cước công dân số 019183002210 mang tên Nguyễn Thị D; số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Người nam giới điều khiển xe ô tô khai tên Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1991, trú tại: xóm TY, xã HB, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, kiểm

tra thu giữ 01 thẻ căn cước công dân số 019091005083 mang tên Nguyễn Văn Kh; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 032399; 01 giấy phép lái xe số 190147009652; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5797233; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm số 1743736; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng, niêm phong ký hiệu B; Số tiền 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS màu đen, BKS 20A-211.94.

Cùng ngày, thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp đối với người, chỗ ở, đồ vật tài liệu của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 tại tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố Thái Nguyên. Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị D (sinh năm 1983) khai nhận: Sáng ngày 12/4/2022, có một người nam giới tự giới thiệu tên là Hùng trú tại tỉnh Bắc Kạn (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại cho D, sinh năm 1983 đặt mua Heroine với số tiền là 50.000.000đ và hẹn đem đến khu vực thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để hai bên trực tiếp mua bán, D đồng ý. Đến 12 giờ cùng ngày, D một mình đi đến nhà của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958, tại tổ dân phố Đông, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên mua 02 gói Heroine với giá 45.000.000đ và hai bên thống nhất sẽ thanh toán đầy đủ sau khi bán hết số ma túy nêu trên. Sau khi mua được ma túy, D luôn cất giấu trong người. Đến 13 giờ cùng ngày, D thuê xe ô tô của Nguyễn Văn Kh để chở D lên thành phố Bắc Kạn (D không cho Kh biết việc đem ma túy đi bán). Khi lên xe D ngồi ở vị trí ghế phụ và cất giấu 02 gói Heroine trong hộp giấy đặt dưới chân. Khi đi đến xóm XT, xã YL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thì bị tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 12/4/2022, dựa trên tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác Phòng 7 - Cục điều tra tội phạm về ma túy- Bộ Công an phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thái Nguyên và chính quyền địa phương xác minh đối với Nguyễn Thị D, sinh 1958, tại chỗ ở tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố TN. Tại đây, D tự giác giao nộp 04 túi nilon bên trong đều chứa các cục chất bột màu trắng theo D khai là ma túy Heroine, niêm phong ký hiệu D. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958, phát hiện thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 019158000775 mang tên Nguyễn Thị D; 01 cân tiểu ly vỏ bằng gỗ; số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 4 năm 2022, Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 trú tại tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đặt mua Heroine của D với số tiền là 45.000.000đ và hẹn trả tiền sau. Sau đó D gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970 cùng trú tại tổ dân phố Đ, phường ĐB, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đặt mua 02 gói Heroine với giá là 44.000.000đ và hẹn 11 giờ 30 phút cùng ngày gặp nhau ở đoạn đường dân sinh trước cửa nhà D

để hai bên trực tiếp mua bán. Đến hẹn, D đi bộ đến đoạn đường dân sinh cách nhà 20 mét mua của H3 02 gói Heroine hết 44.000.000đ. Sau đó D đã bán chịu toàn bộ số Heroine này cho Nguyễn Thị D, sinh năm 1983. Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày, có một người nam giới khoảng 30 tuổi đến đặt mua Heroine của D, sinh năm 1958 với số tiền là 45.000.000đ nên D tiếp tục gọi điện thoại cho H3 để đặt mua Heroine với số tiền là 44.000.000đ và cả hai tiếp tục hẹn 15 phút sau gặp nhau tại đường dân sinh trước cửa nhà của D để hai bên trực tiếp mua bán ma túy. Sau đó D vào nhà lấy tiền còn người nam giới bỏ đi đâu không rõ. Đến hẹn D đến mua của H3 04 gói Heroine với giá 44.000.000đ. Sau khi mua được ma túy, D đem về nhà cất giấu chờ để bán cho người nam giới đã đặt mua trước đó, nhưng chưa kịp bán thì tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 kết quả:

Bì niêm phong ký hiệu A: Cân toàn bộ các cục chất bột màu trắng thu giữ của D, sinh năm 1983 khi bắt quả tang có tổng khối lượng 71,71gam. Lấy 4,91gam gửi giám định ký hiệu A1, còn lại 66,8 gam niêm phong ký hiệu A2 lưu kho.

Bì niêm phong ký hiệu D: Cân toàn bộ các cục chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 khi bắt quả tang có tổng khối lượng 79,34gam. Lấy 2,15gam gửi giám định ký hiệu từ D1, còn lại 77,19gam niêm phong ký hiệu D2 lưu kho.

Tại Kết luận giám định số 603/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 71,71 gam.

Tại Kết luận giám định số 604/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong bì ký hiệu D1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng thu giữ ban đầu là 79,34gam.

Khối lượng ma túy loại Heroine thu giữ của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 là 71,71gam, của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 là 79,34gam. Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 phải chịu tổng khối lượng chung là: 151,05 gam.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xám thu giữ của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu đỏ thu giữ của Nguyễn Thị D sinh năm 1958, không có dữ liệu gì liên quan đến vụ án.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thị H3, SN 1970, trú tại tổ dân phố Đ, phường DB, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái

Nguyễn đã tạm giữ 19.000.000đ và 01 bản sao giấy khai sinh. Triệu tập Nguyễn Thị H3 để đấu tranh khai thác nhưng H3 không thừa nhận bán ma túy cho Nguyễn Thị D, sinh năm 1958.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 23/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã bị thu giữ.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 phạm tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*.

- *Mức hình phạt*: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị D (sinh năm 1983) từ **15** đến **16** năm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

- *Mức hình phạt*: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị D (sinh năm 1958) là **20** năm tù. Phạt bổ sung từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm:

- 01 niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 4,901 gam mẫu hoàn lại sau giám định.

- 01 niêm phong ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 66,8 gam chất bột màu trắng, mẫu lưu kho.

- 01 niêm phong ký hiệu A3 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Hộp giấy + vỏ túi nilon gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang”.

- 01 niêm phong ký hiệu D1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh

Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,090 gam mẫu còn lại sau giám định.

- 01 niêm phong ký hiệu D2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 77,19 gam chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị D – 1958 ngày 12/4/2022.

- 01 niêm phong ký hiệu V1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Vỏ bao gói ban đầu”.

- 01 ví giả da màu đen;

- 01 cân tiểu ly vỏ bằng gỗ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xám, máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 359835/10/040102/1 của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 dùng vào việc phạm tội.

+ Trả lại: 01 (Một) thẻ căn cước công dân số 019183002210 cho bị cáo D sinh năm 1983; 01 (Một) thẻ căn cước công dân số 019158000775 cho bị cáo D sinh năm 1958.

+ Tạm giữ: số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 và số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH -14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phần tranh luận:

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo Nguyễn Thị D chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS; được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, tình tiết thành khẩn khai báo trong trường hợp này cần được đánh giá có ý nghĩa giảm nhẹ hình phạt đáng kể so với các trường hợp khác, do bị cáo khai rõ nguồn gốc chất ma túy, giúp mở rộng điều tra vụ án. Bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn. Hiện tại

chồng bị cáo đang đi cải tạo về tội mua bán trái phép chất ma túy. Khi Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở thấy gia đình không có tài sản gì; bị cáo khi phạm tội là phụ nữ có thai, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 15 năm tù và nếu phạt bổ sung thì ở mức thấp nhất là 5 triệu đồng.

Các luật sư bào chữa cho hai bị cáo đều nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, thừa nhận nội dung truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 24/QĐ-CSMT ngày 21/4/2022 đối với Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy phát hiện ngày 12/4/2022 tại xóm XT, xã YL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên và Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 25/QĐ-CSMT ngày 21/4/2022 đối với Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy phát hiện ngày 12/4/2022 tại tổ dân phố Đ, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 08/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã ra Quyết định nhập vụ án hình sự số 03/QĐ-CSMT ngày 08/6/2022 là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có đơn xin xét xử vắng mặt và người chứng kiến đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, kiểm sát viên, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của những người tham gia tố tụng nói trên nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[3] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ ngày 12/4/2022, tại đường dân sinh thuộc tổ dân phố Đ, phường DB, thành phố Thái Nguyên, Nguyễn Thị D (sinh năm 1958) đã có hành vi bán trái phép 71,71 gam ma túy, loại Heroine cho Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 với giá 45.000.000 đồng nhưng cho nợ tiền. Tiến hành kiểm tra tại nhà riêng của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 thu giữ được 79,34 gam ma túy, loại Heroine, D khai số ma túy này nhằm mục đích bán cho một người nam giới không rõ tên tuổi nhưng chưa kịp bán thì đã bị phát hiện và thu giữ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (sau khi mua 71,71 gam ma túy, loại Heroine của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958) đã thuê xe ô tô BKS 20A - 211.94 của Nguyễn Văn Kh lên thành phố Bắc Kạn để bán cho người tên H4(không rõ địa chỉ) nhằm mục đích kiếm lời, nhưng đang trên đường đi đến đoạn đường thuộc xóm XT, xã YL, huyện Phú Lương thì bị tổ công tác Phòng 7 - Cục điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện và bắt giữ.

Tổng khối lượng heroine bị cáo D (sinh năm 1958) dùng để mua bán trái phép là **151,05 gam**; tổng khối lượng heroine bị cáo D (sinh năm 1983) dùng để mua bán trái phép là **71,71 gam**.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 đã cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 đã cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 251 Bộ luật hình sự.

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

b, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên.”

[4]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng tới sức khỏe của con người. Đồng thời đây còn là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác.

[5] Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 hiện đang có thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] *Xem xét nhân thân của các bị cáo thấy:*

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bản thân các bị cáo có đủ nhận thức để hiểu được tác hại của ma túy và những quy định chặt chẽ của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về ma túy. Nhưng vì hám lời, các bị cáo đã bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tội. Khối lượng ma túy các bị cáo dùng để mua bán là rất lớn. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với hai bị cáo xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm của hai người bào chữa cho hai bị cáo tại phiên tòa sẽ xem xét theo quy định của pháp luật.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] *Về vật chứng:*

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đỏ được niêm phong trong bì ký hiệu Đ1 của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xám được niêm phong trong bì ký hiệu C1 của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân số 019183002210 của bị cáo Nguyễn

Thị D, sinh năm 1983 và 01 thẻ căn cước công dân số 019158000775 của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 là giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo sử dụng.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cho rằng là tiền của con dâu bị cáo nhờ giữ hộ để mua xe. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T (là con dâu của bị cáo D) trình bày không thống nhất và cũng không xuất trình được tài liệu gì để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận hoàn trả số tiền trên cho chị Nguyễn Thị T3.

- Đối với số tiền 11.600.000 đồng của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 4,901 gam mẫu hoàn lại sau giám định; 01 niêm phong ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 66,8 gam chất bột màu trắng, mẫu lưu kho; 01 niêm phong ký hiệu A3 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Hộp giấy + vỏ túi nilon gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang”; 01 niêm phong ký hiệu D1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,090 gam mẫu còn lại sau giám định; 01 niêm phong ký hiệu D2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 77,19 gam chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị D – 1958 ngày 12/4/2022; 01 niêm phong ký hiệu V1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Vỏ bao gói ban đầu”; 01 ví giả da màu đen; 01 cân tiểu ly vỏ bằng gỗ, đã qua sử dụng. Xét đây là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các nội dung có liên quan khác: Về nguồn gốc số ma túy, Nguyễn Thị D (sinh năm 1958) khai mua của Nguyễn Thị H3, cơ quan điều tra đã triệu tập H3 đến để đầu tranh làm rõ nhưng H3 không thừa nhận đã bán ma túy cho D. Hiện nay H3 đang bị ung thư vòm họng giai đoạn cuối không nói được, bị hạn chế khả năng nghe nên không thể tiến hành đối chất với D. Tài liệu điều tra đã thu thập được chưa đủ cơ sở kết luận, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý đối với H3. D khai số ma túy cất giấu tại nhà để bán cho một người nam giới đã đặt mua trước đó không rõ họ tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác minh làm rõ.

Nguyễn Thị D (sinh năm 1983) khai đem ma túy bán cho một người nam giới tự giới thiệu tên là Hùng trú tại tỉnh Bắc Kạn nhưng không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể. Do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với Nguyễn Văn Kh là người đã được Nguyễn Thị D (sinh năm 1983) thuê chở đi Bắc Kạn nhưng khi D mang ma túy đi để bán, Khánh không biết nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Khánh là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố hai bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 và Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

* Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị D {sinh năm 1958} **20** (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/04/2022.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị D 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị D {sinh năm 1983} **16** (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/04/2022.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Thị D 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 niêm phong ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 4,901 gam mẫu hoàn lại sau giám định.

+ 01 niêm phong ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên,

bên ngoài ghi có 66,8 gam chất bột màu trắng, mẫu lưu kho.

+ 01 niêm phong ký hiệu A3 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của các thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Hộp giấy + vỏ túi nilon gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang”.

+ 01 niêm phong ký hiệu D1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 2,090 gam mẫu còn lại sau giám định.

+ 01 niêm phong ký hiệu D2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có 77,19 gam chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Thị D – 1958 ngày 12/4/2022.

+ 01 niêm phong ký hiệu V1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của thành phần tham gia và 03 hình dấu tròn của CQCSĐT - Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi có “Vỏ bao gói ban đầu”.

+ 01 ví giả da màu đen;

+ 01 cân tiểu ly vỏ bằng gỗ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đỏ IMEI 359835/10/040102/1 được niêm phong trong bì ký hiệu Đ1 của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xám được niêm phong trong bì ký hiệu C1 của bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 thẻ căn cước công dân số 019183002210; trả cho bị cáo Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 thẻ căn cước công dân số 019158000775.

- Tạm giữ số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng của Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 và số tiền 11.600.000 (Mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng của Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 để đảm bảo thi hành án (Ủy nhiệm chi số 214 ngày 28/06/2022).

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 69 ngày 28/6/2022 giữa công an tỉnh Thái Nguyên với Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Kh vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn